**Tuần 2**: *Thứ hai ngày 11 tháng 9 năm 2023*

**Bài 3: CÁC THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được thành phần của phép cộng: số hạng, tổng.

- Tính được tổng khi biết các số hạng.

**2. Năng lực:**

- Tự thực hiện nhiệm vụ học cá nhân trên lớp, nêu được bài toán và cách giải, tự chiếm lĩnh kiến thức mới và phát triển được năng lực giải quyết vấn đề toán học, phát triển được năng lực mô hình hóa toán học.

- Biết chia sẻ, hợp tác trong nhóm, biết nhận xét, đánh giá bạn.

- Tự tin bày tỏ ý kiến.

**3. Phẩm chất:**

- Thực hiện nghiêm túc quy định về học tập.

- Cẩn thận, tập trung khi làm bài.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Bài giảng điện tử, bộ đồ dùng học Toán 2.

- HS: SHS, vở ô li, PBT, bảng con,bộ đồ dùng học Toán 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động: (4p)** |  |
| - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi *Ai nhanh ai đúng* | - HS tham gia trò chơi |
| Câu 1: Số liền trước của 15 là số…. |  |
| Câu 2: Số gồm 3 chục 7 đơn vị là: |  |
| Câu 3: Kết quả của phép tính 13 + 26 là: |  |
| - GV tổng kết trò chơi, kết nối vào bài:  *Tiết học hôm nay các em sẽ được biết tên gọi của các số trong phép cộng và phép trừ. Vậy để biết 13, 26 và 39 được gọi là gì trong phép cộng, chúng ta sẽ vào Tiết 1 của bài hôm nay:* ***Số hạng, tổng*** | - HS lắng nghe |
| - GV ghi tên bài. | - HS ghi tên bài vào vở. |
| **2. Khám phá: (12-14p)** |  |
| - GV cho HS quan sát tranh:  + Trong bể cá hình chữ nhật có mấy con cá?  + Bể tròn có mấy con cá?  + Cả hai bể có mấy con cá?  + Làm thế nào em biết cả hai bể có 9 con cá?  + Bạn nào nêu được bài toán?  - GV: Để biết được cả hai bể có bao nhiêu con cá ta làm phép tính gì?  + Nêu phép cộng tương ứng? | - HS quan sát và trả lời câu hỏi:  + *Bể cá hình chữ nhật có 6 con cá.*  *+ Bể cá tròn có 3 con cá.*  *+ Cả hai bể có 9 con cá.*  **+** *Em lấy 6 con cá của bể thứ nhất cộng với 3 con cá của bể thứ hai được 9 con cá.*  - HS nêu  - HS nêu: Ta làm phép tính cộng. Lấy 6 cộng với 3.  6 + 3 = 9 |
| - GV giới thiệu tên gọi TP và KQ phép tính  6 + 3 = 9  - Giới thiệu: Trong phép cộng trên:  + 6 được gọi là Số hạng, 3 cũng là SH  + 9 (KQ phép cộng trên) được gọi là tổng  - Lưu ý HS: Trong phép cộng trên 9 gọi là tổng của 6 và 3 nên 6 + 3 cũng gọi là tổng và có giá trị bằng 9. | - HS lắng nghe.  - 1, 2 dãy nhắc lại. |
| - Y/c HS: Đặt tính và tính: 6 + 3  \* Chốt: Tên gọi các số đó trong phép cộng ngang hay dọc đều như nhau.  + GV đưa ra VD khác, cho HS vận dụng, nêu được số hạng, tổng ở một số phép cộng cụ thể nào đó. | - Làm bảng con  - Gọi tên các số có trong phép cộng. |
| - Qua các ví dụ trên, muốn tìm tổng em làm thế nào? => **GV chốt** | - Nhiều HS nêu |
| **2.2. Luyện tập (13 – 15’)**  **Bài 1: (4p)**  - GV HD HS tính nhẩm để tìm ra tổng khi biết các số hạng, rồi nêu, viết tổng vào ô trống trong PBT.  **-** GV cho HS nêu miệng kết quả.  **-** GV cho HS giải thích cách tìm ra số để điền vào ô trống.  - GV chốt kết quả đúng trên slide.  **🡪 GV chốt** |  |
|  |
| **-** HS nêu y/c BT1.HS khác theo dõi.  - HS làm việc cá nhân, điền vào PBT.  - HS nối tiếp nêu kết quả. Giải thích vì sao lại điền số đó.  - HS so sánh bài với kết quả đúng của cô và sửa sai (nếu có). |
| **Bài 2: (7p)** |  |
| - Bài yêu cầu gì? | - HS đọc thầm yêu cầu |
| - GV HD mẫu.  - GV cho HS làm bài 2 lượt/bảng con.  - Nhận xét?  **🡪 GV NX, chốt ND** | - HS nêu  - HS nêu mẫu  - Nhận xét và chia sẻ về cách đặt tính và thực hiện tính. |
| **Bài 3/ PBT(4p)** |  |
| **-** GV cho HS QS tranh BT3, yêu cầu HS đọc đề bài.  - Tranh 3 gồm mấy cột?  - Đó là những cột nào? | - HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - … 3 cột  - số hạng, số hạng, tổng. Đây chính là các thành phần của phép cộng. |
| **-** GV HD HS: Quan sát thật kĩ bức tranh, sau đó em hãy chọn một số hạng bất kì ở mỗi cột để lập thành phép tính đúng sao cho tổng của chúng chính là một trong hai số ở cột thứ ba. | - HS thảo luận và trình bày vào phiếu  - Đại diện nhóm chia sẻ cách lập phép tính. Các nhóm tương tác, đặt câu hỏi để trao đổi qua lại: |
|  |
| - GV nhận xét và chốt kq đúng. Bao nhiêu nhóm có cùng kq đúng như trên bảng?  - GV khen HS và giới thiệu: Cách mà các con vừa thực hiện để lập được PT đúng trong toán học người ta gọi đó là PP thử chọn. Các con cần nhớ PP này để có thể áp dụng vào làm các dạng BT tương tự. | - Các nhóm bổ sung (nếu thiếu) |
| **🡪 GV chốt** |  |
| - Vậy khi nói đến các số hạng và tổng, ta sẽ lập được PT gì?  - Nêu lại cho cô tên gọi các thành phần trong phép cộng? | -… ta sẽ lập được PT cộng  - 2, 3 HS nêu |
| **3. Vận dụng (1- 2’)** |  |
| - GV nhận xét tiết học.  - Khen ngợi, động viên HS. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** *(nếu có)*

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*Thứ ba ngày 12 tháng 9 năm 2023*

**Bài 3: CÁC THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được thành phần số bị trừ, số trừ, hiệu và vị trí của các thành phần đó trong phép trừ.

- Tính được hiệu khi biết số bị trừ và số trừ.

**2. Năng lực:**

- Nêu được bài toán và cách giải, tự chiếm lĩnh kiến thức mới và phát triển được năng lực giải quyết vấn đề toán học, phát triển được năng lực mô hình hóa toán học.

- Tích cực học tập, tự tin khi trình bày ý kiến cá nhân, trao đổi trong nhóm, trước lớp.

- Biết tự nhận xét và nhận xét đánh giá bạn trong quá trình học tập.

- Tư duy sáng tạo trong việc giải toán.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu thích môn học.

- Hs làm bài cẩn thận.

- Tự giác chấp hành các quy định học tập.

**II. CHUẨN BỊ:**

-GV: Bài giảng điện tử, bộ đồ dùng học Toán 2.

-HS: SHS, vở ô li, PBT, bảng con,bộ đồ dùng học Toán 2.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (4p)** |  |
| - GV cho HS đặt tính và tính vào bảng con 2 phép tính: 56 + 3, 45 + 24; | - HS thực hiện tính/bảng con |
| - Nhận xét bảng của 1 HS tiêu biểu:  + Nêu bước đặt tính của PT thứ nhất cho cô?  + Nêu bước thực hiện tính của PT thứ hai?  + GV yêu cầu HS nêu tên gọi các thành phần của phép cộng mà mình vừa làm.  + Bạn nào giỏi nêu nhanh kết quả của phép tính: 3 + 56?  - GV nhận xét, khen HS | - HS nêu  - HS nhận xét, góp ý cho bạn.  - HS nêu |
| - GV kết nối vào bài: ***Số bị trừ, số trừ, hiệu.*** | - HS lắng nghe |
| - GV ghi tên bài. | - HS ghi tên bài vào vở. |
| **2. Khám phá: (12p)** |  |
| - GV đưa ra bức tranh/SGK/14 cho HS QS  + Tranh vẽ gì?  + Lúc đầu có tất cả bao nhiêu con chim?  + Có mấy con chim bay đi?  + Lúc này trên cành còn lại mấy con chim?  - Nêu bài toán tương ứng?  - GV đồng ý với bài toán HS vừa nêu.  - Muốn biết trên cành còn lại bao nhiêu con chim em làm phép tính gì?  - Ý kiến của các bạn khác?  - GV NX, chốt PT của bài toán: 12 – 2 = 10  Còn lại 10 con chim. | - HS quan sát  *+ Tranh vẽ có một số con chim đang đậu trên cành cây và có hai con chim đang bay đi.*  *+ Lúc đầu có 12 con chim đậu trên cành.*  *+ Có 2 con chim bay đi.*  *+ Còn lại 10 con đậu trên cành.*  - 2, 3 HS nêu  - ….em thực hiện phép trừ. Lấy 12 –2 = 10 con chim.  - HS nêu ý kiến |
| - GV giới thiệu tên gọi TP và KQ phép tính  12 – 2 = 10  - Giới thiệu: Trong phép trừ trên:  + 12 là số đứng đầu tiên, trước dấu trừ, được gọi là Số bị trừ  +2 là số đứng ở vị trí thứ hai, sau dấu trừ, được gọi là Số trừ  + 10 (KQ phép cộng trên) được gọi là hiệu  - Lưu ý HS: Trong phép trừ trên 10 gọi là hiệu của 12 và 2 nên 12-2 cũng gọi là hiệu và có giá trị bằng 10. | - HS lắng nghe.  - 1, 2 dãy nhắc lại. |
| - Y/c HS: Đặt tính và tính: 12-2  \* Chốt: Tên gọi các số đó trong phép cộng theo cột dọc. (GV lưu ý một lần nữa vị trí đứng của SBT, ST, H)  + GV đưa ra một VD khác, cho HS vận dụng, nêu được SBT, ST, H ở một số phép trừ cụ thể nào đó. | - Làm bảng con  - Gọi tên các số có trong phép trừ. |
| - Qua các ví dụ trên, muốn tìm Hiệu em làm thế nào? **🡪GV chốt**  **2.2. Hoạt động (16 – 19p)** | - Nhiều HS nêu |
|  |
|  |
| **Bài 1: (4p)**  - GV HD HS nêu tên các thành phần trong phép trừ tương ứng với các số nào trong phép trừ và điền vào cột.  - GV cho HS báo cáo kết quả.  - GV chốt kq đúng trên slide (Lưu ý với HS: 86 – 32, 47 – 20 cũng được gọi là Hiệu)  Tương tự, hãy nêu tên thành phần của PT sau: 100 - 20 = 80 38 – 7 = 31  **🡪 GV chốt**  **Bài 2/ PBT( 4p)**  - GV yêu cầu HS nêu mẫu.  + Tại sao hiệu lại bằng 33?  - Tương tự, hãy điền tiếp vào các ô trống còn lại.  - GV soi bài, chữa bài:  - GV nhận xét, khen HS.  - Bài 2 giúp ta củng cố kiến thức gì?  **🡪 GV chốt:** *Muốn tìm Hiệu ta lấy SBT – ST.*  **Bài 3/ Bảng con (4p)**  - Bài yêu cầu gì?  - GV HD mẫu.  - GV cho HS làm bài 2 lượt/bảng con.  - Nhận xét?  **🡪 GV nhận xét, chốt nội dung*.*** |  |
| - HS nêu yêu cầu |
| - HS làm việc cá nhân  - HS kiểm tra chéo và nói cho nhau nghe theo nhóm đôi.(1 HS nêu số- 1 HS nêu tên gọi)  - Các nhóm báo cáo kq.  - HS sửa bài (nếu sai)  - HS nêu theo nhóm |
|  |
| **-** HS nêu y/c BT2. Lớp theo dõi |
| - HS đọc mẫu  - Vì lấy SBT là 57 trừ đi ST là 24 được Hiệu là 33.  - HS làm việc cá nhân, điền vào PBT.  - HS nhận xét và trao đổi:  + Nêu lại cách tìm hiệu của cột thứ 3?  + Trong cột thứ 4, số 31 được gọi là gì?...  - HS so sánh bài với kết quả đúng của bạn và sửa sai (nếu có).  - HS nêu. |
|  |
| - HS đọc thầm yêu cầu |
| - HS nêu  - HS nêu mẫu  - Nhận xét và chia sẻ về cách đặt tính và thực hiện tính. |
| **Bài 4/ Vở (5p)** |  |
| - Y/c HS nêu đề toán.  - GV HDHS tìm hiểu yêu cầu bài:  *+ Bài toán cho biết gì?*  *+ Bài toán hỏi gì?*  - GV cho HS nêu miệng phép tính và câu trả lời.  - GVHDHS viết vào vở.  - GV soi bài, nhận xét cách trình bày.  - Trong phép tính của bài 4, đâu là SBT, đâu là ST, đâu là Hiệu?  - Muốn tìm Hiệu em làm thế nào?  **🡪 Em cần nắm chắc nội dung này để vận dụng làm bài tập nhé!** | - 1 HS đọc to y/c, cả lớp đọc thầm |
| + *Trong bến có 15 ô tô, có 3 xe rời bến.*  *+ Hỏi còn lại mấy ô tô trong bến.*  - HS nêu phép tính và câu trả lời. |
| - HS nêu phép tính và câu trả lời.  - HS nhận xét.  - HS viết vào vở bài làm.  - HS NX cách trình bày bài của bạn  - HS trả lời. |
| **3. Vận dụng : (1-2p)** |  |
| - GV tổng kết trò chơi, khen HS. |  |
| - Hôm nay, em đã học những nội dung gì?  - GV tiếp nhận ý kiến  - Nhận xét tiết học. | - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích). |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** *(nếu có)*

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ ba ngày 12 tháng 9 năm 2023*

**Luyện toán: Luyện tập**

**BÀI 3: CÁC THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

1. **Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố cho HS phép cộng, phép trừ và so sánh các số.

- Lập được các số có hai chữ số từ các chữ số đã cho; sắp xếp các số theo thứ tự, tìm được số lớn nhất, số bé nhất trong các số đã cho.

**2.Năng lực:**

- Phát triển năng lực tính toán, kĩ năng so sánh số.

- Phát triển kĩ năng hợp tác.

**3. Phẩm chất:** Rèn tính cẩn thận, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Máy tính, tivi chiếu nội dung bài 3 ; thẻ chữ số 80-50-30-90, 67- 45- 56- 30.

- HS: Vở BTT.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của thầy*** | ***Hoạt động của trò*** |
| **Tiết 1** | |
| **1. Khởi động: (3p)**  - Hát, múa  **2. Luyện tập: (28p)**  **\* HDHS làm vở bài tập trang 15,16,17**  +Bài 1/15.    + Bài 2/16  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Cho HS thực hiện nhóm 3 hoặc nhóm bàn  - Chấm sửa bài và nhận xét hs.  +Bài 3/17  **Trò chơi “Đổi chỗ”:**  *HD HS cầm thẻ số tương ứng trên toa tàu, chọn 2 bạn cầm thẻ tương ứng đổi chỗ cho nhau để được câu TL đúng theo yêu cầu bài.*  - Cho HS viết vào vở  + Bài 4/16: Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu)  - GV nêu: Từ các số đã cho, em hãy lập một phép tính tìm để được hiệu là 53, 36 và 20 .  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  **3. Vận dụng: (3p)**  - NX tiết học. Về nhà làm BT trang 13, 14 | - Lớp vận động theo nhạc bài hát *Gummy bear song.*  - Làm vở bài tập theo HD của GV  a) Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu)  b) Nối (theo mẫu)  - HS đọcyêu cầu bài tập.  - 1-2 HS trả lời.  - HS tô màu vào các hình theo đúng YC  - Lắng nghe  - HS thực hiện chơi theo nhóm 2.  Cầm thẻ số xếp hàng và đổi chỗ cho nhau để được kết quả đúng.  - HS viết vào vở BT  - HS nêu đề bài  - Nghe GV HD và làm vào vở  - HS hoạt động theo cặp, sau đó chia sẻ trước lớp.  Lập phép tính :M: 55 -2 = 53  66 - 30=36 54 – 34 = 20 |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ tư ngày 13 tháng 9 năm 2023*

**Bài 3: CÁC THÀNH PHẦN CỦA PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (TIẾT 3)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết viết số có 2 chữ số thành tổng của số chục và số đơn vị.

- Biết đếm được số lượng ngôi sao các màu rồi ghi vào bảng, tìm được tổng, hiệu số ngôi sao tương ứng.

- Nhận biết được số hạng, tổng trong phép cộng; số bị trừ, số trừ, hiệu trong phép trừ.

- Tính được tổng khi biết các số hạng; tính được hiệu khi biết số bị trừ, số trừ.

**2. Năng lực:** Tích cực học tập, tự tin khi trình bày ý kiến cá nhân; biết tự nhận xét, tham gia nhận xét đánh giá bạn; biết hợp tác trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất:** Rèn tính cẩn thận, chính xác trong tính toán.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Giáo viên: - Giáo án điện tử.Bộ đồ dùng học Toán 2; thẻ chữ số 50-40-70,60; 30,41,35,39

- HS: SGK, vở ô li, VBT, bảng con, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (3p)** |  |
| - GV cho HS thực hiện phép tính vào bảng con: 45 + 3; 58 – 6 | - HS làm bảng con. |
| - Nhận xét bảng của 1 HS tiêu biểu:  + Nêu tên gọi các thành phần của phép cộng mà mình vừa làm.  + Nêu tên gọi các thành phần của phép trừ mà mình vừa làm.  - GV nhận xét, khen HS  - GV kết nối vào bài: ***Luyện tập****,* ghi tên bài  **2. Luyện tập (30’)**  **Bài 1**: **(6p)**  - GV yêu cầu HS đọc bài  **-** GV HD mẫu: phân tích số có hai chữ số thành tổng các chục và đơn vị, dạng:  75 = 70 + 5. | - HS nêu  - HS nhận xét, góp ý cho bạn.  - HS lắng nghe  - HS nhắc lại tên bài. |
|  |
| - HS đọc và xác định yêu cầu. |
| - HS đọc mẫu |
| - Số 70 được gọi là mấy chục?  - Số 75 gồm mấy chục và mấy đơn vị?  => Cách viết số như vậy là viết thành tổng các số chục và đơn vị. Tương tự ta viết các số còn lại 64,87,46 thành tổng vào bảng con.  - Gv cho HS thực hiện bảng con.  - Nhận xét bài của HS. | - Số 70 được gọi là 7 chục.  - Số 75 gồm 7 chục và 5 đơn vị.  - HS làm bảng con  - Đọc bài, chữa bài, nhận xét bài của bạn. |
| - Dựa vào đâu em viết được số 64= 60 + 4?  - Muốn viết số có hai chữ số thành tổng ta dựa vào đâu? **=>Gv chốt** | - …các chữ số ở mỗi hàng: chữ số 6 chỉ chục, chữ số 4 chỉ đơn vị.  - …phân tích số. |
| **Bài 2: (9p)**  \***Câu a/PBT**  - GV đưa ra bức tranh/SGK/15 cho HS quan sát.  + Tranh vẽ gì?  + Hãy đếm số ngôi sao theo mỗi màu rồi ghi vào các ô tương ứng?  - GV KT bài, nhận xét.  - Con đã đếm được có bao nhiêu ngôi sao màu đỏ?  - Có bao nhiêu ngôi sao màu vàng?  - Có bao nhiêu ngôi sao màu xanh?  - Cho HS nhắc lại.  => Quan sát số lượng rồi thực hiện đếm. |  |
| - 3 HS đọc nối tiếp BT2. |
| - HS xác định yêu cầu.  - HS quan sát tranh và trao đổi.  + … các ngôi sao màu đỏ, vàng, xanh.  + HS đếm và điền kết quả vào PBT.  - HS làm việc cá nhân, điền vào PBT.  - HS đọc to kết quả bài làm của mình.  - HS nhận xét, trao đổi.  -…có 11 ngôi sao màu đỏ.  -….có 8 ngôi sao màu vàng.  - …có 10 ngôi sao màu xanh.  - HS nhắc lại. |
| **\* Câu b,c (làm nháp)** | - HS đọc và xác định yêu cầu. |
| - GV HDHS tìm hiểu, trao đổi yêu cầu bài:  b, Khi biết số ngôi sao màu đỏ và số ngôi sao màu vàng, tính tổng em làm thế nào?Viết phép tính? Tìm kết quả?  => Tổng là kết quả của phép tính cộng.  c, Khi biết số ngôi sao màu xanh và màu vàng, để tìm hiệu em làm thế nào? Nêu phép tính ? Tìm kết quả?  => Hiệu là kết quả của phép tính trừ.  - GV kiểm tra.  - Nhận xét, tuyên dương HS **=> GV chốt.** | - HS trao đổi và chia sẻ:  + Tính tổng em làm phép tính cộng lấy 11 + 8 = 19  + Tính hiệu em làm phép tính trừ lấy  10 – 8 = 2  - Làm vở nháp, đổi vở kiểm tra cho nhau. |
| **Bài 3: (8p)** |  |
| - GV cho HS đọc bài tập 3.  - GVHDHS nắm vững YC (Thực hiện N4) | - 3 HS đọc nối tiếp bài tập 3.  - HS xác định yêu cầu. |
| **\* Câu a**  - GV phóng to cho HS QS tranh vẽ SGK/ 15.  + Tranh vẽ gì?  + Nêu các số tương ứng mỗi toa ở đoàn tàu A?  - Nhận xét  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 phát thẻ số cho HS và quy định mỗi bạn mang một thẻ số. Sau đó so sánh, xếp thứ tự sốtừ lớn đến bé theo thứ tự toa tàu. Chọn ra 2 nhóm nhanh nhất sẽ được gắn thẻ lên bảng lớn.  - Gọi HS các nhóm trình bày kết quả trước lớp.  - GV chốt kq đúng trên màn hình.  - Các số tròn chục liền nhau hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?  **=>Như vậy sau khi đổi chỗ sẽ được các số thứ tự từ lớn đến bé.** | - HS quan sát tranh  +…đoàn tàu có 4 toa.  +….50,60,70,40.  -  Nhận xét bạn.  - HS thảo luận, trình bày trước lớp.  - HS thực hiện trình bày theo nhóm 4.  Cầm thẻ số xếp hàng và 2 bạn đổi chỗ cho nhau để được kết quả đúng  Đổi số 50 và 70 cho nhau  - Đếm lại các số sau khi đã đổi chỗ và xếp đúng: 70,60,50,40.  - 2 nhóm trình bày.  - Nhóm khác góp ý, bổ sung.  - …. Hơn kém nhau 10 đơn vị. |
| **\* Câu b**  - Bài yêu cầu gì?  - GV cho HS TL nhóm đôi và suy nghĩ làm BT  - Gọi HS đại diện nhóm trình bày KQ trước lớp.  - Số lớn nhất ở đoàn tàu B là số nào?  - Số bé nhất ở đoàn tàu B là số nào?  - Tính hiệu có nghĩa là làm gì?  - GV chốt kq đúng trên màn hình.  - Nhận xét, tuyên dương. **=> GV chốt.** | - HS nêu yêu cầu:  - HS trao đổi .  - Đại diện nhóm trình bày trước lớp. - Nhóm khác góp ý, bổ sung.  - ….số 41.  - …số 30.  - …phép tính trừ, lấy 41-30=11. |
| **Bài 4: (6p)** |  |
| **-** GV cho HS quan sát tranh BT3, yêu cầu HS đọc đề bài.  - Tranh 3 gồm mấy cột?  - Đó là những cột nào? | - HS đọc yêu cầu bài tập 3.  - … 3 cột  - Số bị trừ, số trừ, hiệu. Đây chính là các thành phần của phép trừ. |
| **-** GV HD HS: Quan sát thật kĩ bức tranh, sau đó em hãy chọn một số bị trừ và số trừ bất kì ở mỗi cột để lập thành phép tính đúng, sao cho hiệu của chúng chính là một trong hai số ở cột thứ ba.(Thảo luận nhóm 4 và làm vào PBT. Ba nhóm nhanh nhất sẽ được trình bày PBT của nhóm mình trên bảng lớn.) | - HS thảo luận và trình bày vào PBT: |
| - GV nhận xét, tuyên dương. | - Đại diện nhóm chia sẻ cách lập phép tính. Các nhóm tương tác, đặt câu hỏi để trao đổi qua lại: |
| - GV NX và chốt kq đúng. Bao nhiêu nhóm có cùng kq đúng như trên bảng?  - GV khen HS | - Các nhóm bổ sung (nếu thiếu) |
| - Vậy khi nói đến các số bị trừ, số trừ và hiệu, ta sẽ lập được PT gì?  - Nêu lại cho cô 1 lần nữa tên gọi các thành phần trong phép tính trừ?  - Nêu lại cho cô 1 lần nữa tên gọi các thành phần trong phép tính cộng? | -… ta sẽ lập được PT trừ.  - 2, 3 HS nêu |
| **3. Vận dụng (1- 2’)** |  |
| - GV nhận xét tiết học.  - Khen ngợi, động viên HS. | - HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** *(nếu có)*

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ năm ngày 14 tháng 9 năm 2023*

**Bài 4: HƠN, KÉM NHAU BAO NHIÊU (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Nhận biết được bài toán về hơn, kém nhau bao nhiêu. Quan sát đề bài hoặc tranh.

- Biết giải và trình bày bài giải của bài toán có lời văn (một bước tính).

**2. Năng lực:**

- Tích cực học tập, tự tin khi trình bày ý kiến, biết tự nhận xét và nhận xét đánh giá bạn trong quá trình học tập.

**3. Phẩm chất:** - Nghiêm túc, cẩn thận khi làm bài.

- Yêu thích môn học.

- Tự giác chấp hành các quy định học tập.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Laptop; màn hình; clip, slide minh họa, ...Bộ đồ dùng học Toán 2.

- HS: SHS, vở ô li, VBT, bảng con, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động : (3p)**  **-** GV cho HS chơi trò chơi *Ô cửa bí mật*  - GV NX trò chơi, giới thiệu bài học  **2. Khám phá: (13p)**  - GV đưa ra bức tranh a cho HS quan sát.  + Tranh vẽ gì?  + Có tất cả bao nhiêu con gà?  + Có bao nhiêu con vịt?  + Số con gà nhiều hơn hay số con vịt nhiều hơn? Vì sao?  + Gà hơn vịt bao nhiêu con?  => Đây chính là dạng toán hơn nhau bao  nhiêu đơn vị.  - Nhìn tranh và nêu cho cô bài toán.  + Để biết được số gà hơn số vịt bao nhiêu con ta thực hiện phép tính gì? Nêu phép tính thích hợp.  - HD HS từ bức tranh này và ta có thể ghi tóm tắt bằng lời  - GV nhấn mạnh lưu ý: chữ “hơn” trong bài toán ta thường dẫn ra phép tính trừ.  \* GV HS HS cách giải và trình bày bài toán:  - GV cho HS tìm cách giải bài toán theo 3 bước.  - Phần bức tranh b) HD tương tự như trên.  - Để giải toán có lời văn chúng ta cần thực hiện theo 3 bước:....  => **GV chốt**  **2.2. Luyện tập: (17p)**  **Bài 1: (4p)**  - Đọc thầm BT1 và nêu yêu cầu.  - Quan sát tranh và nêu đề toán.  - GV cho HS khai thác bài toán bằng 3 bước và chiếu phần tóm tắt tương tự lên MH.  + Số chim cành trên hơn số chim cành dưới mấy con?  + Để biết được số chim cành trên hơn số chim cành dưới mấy con làm phép tính gì?  - TLN2 và làm bài tập 1 vào phiếu bài tập.  - GV chữa bài và yêu cầu HS đọc và trình bày trước lớp.  + Thực hiện phép tình gì?  => Như vậy ta có thể nói Cành trên hơn cành dưới 2 con chim hoặc số chim cành trên hơn…  - Cho HS đọc lại bài. **=> GV chốt.***.*  **Bài 2: (4p)**  - Đọc thầm BT2 và nêu yêu cầu.  - Quan sát tranh và nêu đề toán.  - GV cho HS khai thác bài toán bằng 3 bước và chiếu phần tóm tắt tương tự lên MH.  + Bài toán cho biết điều gì?  + Bài toán hỏi gì?  + Vậy để biết được số bông hoa chưa tô màu kém số bông hoa đã tô màu làm thế nào?  - Làm bài tập 2 vào phiếu bài tập.  - GV chữa bài và YC HS trình bày trước lớp  - GV lưu ý phần danh số.**=> GV chốt**  **Bài 3: (4p)**  - Cho HS đọc đề toán.  - GV cho HS tìm hiểu bài toán theo 3 bước và tóm tắt bài.  - Yêu cầu HS viết phép tính vào bảng con.  - GV lấy bảng, nhận xét.  - Vì sao em làm phép tính đó?  - Nêu câu trả lời phù hợp với phép tính?  - Nêu cách trình bày bài toán? Mấy dòng? Đó là gì? **=>GV chốt.**  **Bài 4: (5p)**  - HS đọc thầm đề toán và nêu đề bài.  - Cho HS làm vào vở.  - Mời 1 HS chia sẻ bài làm trước lớp.  - GV quan sát, lắng nghe, gợi mở, giúp đỡ HS thảo luận. GV động viên, khen ngợi.  - GV chữa bài và yêu cầu HS trình bày bài trước lớp.  - Muốn giải dạng toán “Hơn, kém nhau bao nhiêu” ta làm theo mấy bước?  - BT này trình bày như thế nào?**=>GV chốt**  **3. Vận dụng: (2p)**  + Hôm nay, em đã học dạng toán gì?  + Sau khi học xong bài hôm nay, em có cảm nhận hay ý kiến gì không?  - GV tiếp nhận ý kiến, NX, khen ngợi, động viên HS. | - HS chơi  - Lắng nghe  - HS quan sát và nêu nội dung tranh.  *+ Tranh vẽ gà và vịt.*  *+ Có 10 con gà.*  *+ Có 7 con vịt.*  *+ Số gà nhiều hơn số vịt....*  *+ Gà hơn vịt 3 con.*  - HS nhìn tranh nêu bài toán.  - HS nêu: Thực hiện phép tính trừ.  - HS lắng nghe, theo dõi.  + Bước 1: Phân tích, tìm hiểu kĩ đề bài (Cho biết gì? Hỏi gì?).  + Bước 2: Tìm phép tính thích hợp với bài toán. Chẳng hạn phép tính phần a là 10 – 7 = 3.  + Bước 3: Trình bày (viết) bài giải.  - HS lắng nghe và nhắc lại.  - HS quan sát tranh, đọc đề toán.  - HS phân tích và nêu bài toán:  + Cành trên có 6 con chim.  + Cành dưới có 4 con chim.  + Hỏi số chim cành trên hơn số chim cành dưới mấy con?  + Làm phép tính trừ.  - HS làm việc nhóm đôi điền vào ô trống của bài.  - HS nêu kết quả, lớp nhận xét.  + …phép tính trừ.  + Lấy 6 - 2 = 4  + Đáp số: 2 con chim.  - HS lắng nghe  - Đọc yêu cầu  - HS quan sát tranh, đọc đề toán.  - HS phân tích bài toán:  + …đã tô 6 bông hoa…  + …số bông hoa chưa tô màu…  +…thực hiện phép tính trừ…  - HS nêu phép tính và câu trả lời.  - HS điền vào ô trống của bài.  - HS nêu kết quả, lớp nhận xét.  - HS đọc đề bài, xác định YC bài.  - HS tóm tắt bài theo HD của GV.  - HS làm bảng con  - HS quan sát, nhận xét  - HS nêu  - HS làm bài 4 vào vở.  - HS chia sẻ bài làm của mình. HS khác QS, nhận xét và đưa ra câu hỏi.  - HS trình bày  - HS nêu lại các bước thực hiện  - HS nêu tên bài.  - HS nêu cảm nhận, ý kiến. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** *(nếu có)*

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Thứ năm ngày 14 tháng 9 năm 2023*

**Luyện toán: Luyện tập**

**BÀI 4: HƠN KÉM NHAU BAO NHIÊU**

**(TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

1. **Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố cho HS bài toán hơn kém nhau bao nhiêu qua quan sát đề bài và tranh.

- Biết giải và trình bày bài giải toán có lời văn với một phép tính

**2. Năng lực:**

- Phát triển năng lực tính toán, trình bày lời giải toán có lời văn với 1 phép tính rèn và phát triển năng lực giải quyết vần đề.

- Phát triển kỹ năng giao tiếp toán học qua nói và viết bài toán có lời văn.

**3. Phẩm chất:** Rèn tính cẩn thận, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Máy tính, tivi chiếu nội dung bài

- HS: Vở BT toán 2 tập 1

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1.Khởi động: (5p)**  - Cho HS hát tập thể.  - Tìm hiệu của 95 và 62, nêu thành phần phép tính?  **2. HDHS làm bài tập (25p)**  ***Bài 1/18: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (7p***  - Gọi HS đọc YC bài.  - Cho HS quan sát tranh số vịt trên bờ và dưới ao.  Gv HD đưa câu hỏi:  Số vịt trên bờ có bao nhiêu con?  Số vịt dưới ao có bao nhiêu con?  Số vịt trên bờ hơn số vịt dưới ao bao nhiêu con?  - Bài yêu cầu làm gì?  - GV hướng dẫn mẫu: nêu phép tính và các bước giải làm vở BT  - Nhận xét, tuyên dương.  ***Bài 2/18: Viết số thích hợp vào chỗ chấm. (8p)***  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài toán cho biết gì? Hỏi gì?  - YC HS làm bài vào vở BT.  - GV quan sát, hỗ trợ HS gặp khó khăn.  - Đánh giá, nhận xét bài HS.  ***Bài 3/19: Viết số thích hợp vào chỗ chấm ( Tương tự) (7p)***  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài toán cho biết gì?  *-* Bài toán hỏi gì ?    - ta cần lập phép tính nào?  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  \* GV nhấn mạnh để học sinh hiểu về toán hơn, kém nhau bao nhiêu ta đều làm phép tính trừ.  \* Lưu ý: Đọc kĩ đề trước khi giải, đọc kĩ bài toán cho biết gì? hỏi gì?  ***Bài 4 / 19: (Tương tự) (7p)***  **3. Củng cố, dặn dò : (5p)**  - Hôm nay em học bài gì?  - Liên hệ về bảo vệ, yêu quý con vật, cây cối,…  - Nhận xét giờ học. | - Lớp hát tập thể.  - 2,3 Học sinh thực hiện miệng ghi vở  - 1-2 HS trả lời.  Trên bờ : 8 con  Dưới ao : 5 con  3 con  - HS nêu.  Viết phép tính thích hợp:  Bài giải  Số vịt trên bờ hơn số vịt dưới ao là:  8 - 5 = 3 (con)  Đáp số: 3 con  - 2 -3 HS đọc.  - 1-2 HS trả lời.  - HS thực hiện làm bài cá nhân.  Bài giải  Số bưởi còn lại trên cây là:  14 - 4 = 10 (quả)  Đáp số: 10 quả  - HS đổi chéo kiểm tra.  - 2 -3 HS đọc.  - 1-2 HS trả lời: Rùa nâu: 16 tuổi; Rùa vàng 12 tuổi ; Rùa xám 10 tuổi  -1-2 HS trả lời: a) Rùa vàng hơn rùa xám mấy tuổi? : b)Rùa vàng kém rùa nâu mấy tuổi?  1 em thực hiện bảng lớn, lớp làm vở BT  Bài giải  a) Rùa vàng hơn rùa xám số tuổi là:  12 - 10 = 2 (tuổi)  Đáp số: 2 tuổi  b) Rùa vàng kém rùa nâu số tuổi là:  16 – 12 = 4 (tuổi)  Đáp số: 4 tuổi  1 em thực hiện bảng lớn, lớp làm vở BT  Bài giải  Hoa hồng hơn hoa cúc số bông là:  35 - 20 = 15 (bông hoa)  Đáp số: 15 bông ho  - HS nêu.  - HS chia sẻ. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** *(nếu có)*

...................................................................................................................................

...................................................................................................................................

*Thứ sáu ngày 15 tháng 9 năm 2023*

**Bài 4: HƠN, KÉM NHAU BAO NHIÊU (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Củng cố bài toán về hơn, kém nhau bao nhiêu qua đó HS nắm được nội dung kiến thức về tính toán với số đo độ dài có đơn vị xăng – ti – mét.

- Củng cố cách giải và trình bày bài giải toán có lời văn với một phép tính.

**2. Năng lực:**

- Phát triển năng lực tính toán, trình bày lời giải toán có lời văn với 1 phép tính rèn và phát triển năng lực giải quyết vần đề.Phát triển kỹ năng giao tiếp toán học qua nói và viết bài toán có lời văn.

- Phát triển kĩ năng hợp tác.

**3. Phẩm chất:** - Nghiêm túc, cẩn thận khi làm bài.

- Tự giác chấp hành các quy định học tập.

- Yêu thích toán học.

**II. CHUẨN BỊ:**

- GV: Máy chiếu nội dung bài, băng giấy màu xanh, đỏ vàng theo bài 1

- HS: SGK; Bộ đồ dùng Toán.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **1. Khởi động (3p)** |  |
| - GV YC HS nêu các bước giải BT có lời văn.  - GV nhận xét, kết nối vào bài. | - 2 HS nêu lại 3 bước giải bài toán có lời văn.  - HS ghi tên bài vào vở. |
| **2. Luyện tập (28 – 30’)**  - GV ghi tên bài. |  |
| **Bài 1**: **(7p)**  - GV yêu cầu HS đọc bài.  *- GV HDHS thực hiện lấy băng giấy màu đã chuẩn bị sẵn đo tìm kích thước lập phép tính nêu kết quả của bài 1, củng cố về đơn vị đo độ dài, cách tính hiệu:* | - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS thực hiện |
| **-** GV HD mẫu:  + Băng giấy màu vàng dài bao nhiêu cm?  + Băng giấy màu xanh dài bao nhiêu cm?  - Băng giấy màu vàng ngắn hơn hơn băng giấy màu xanh bao nhiêu cm? | - HS nêu  - … 2 cm |
| - GV bắn slide mẫu:  6cm – 4cm = 2cm  *- GV lưu ý:* Trong khi thực hiện phép cộng hoặc trừ các số có đơn vị đo xăng – ti – mét thì em thực hiện cộng hoặc trừ các số như bình thường rồi viết thêm đơn vị xăng – ti –mét vào sau kết quả vừa tìm được. | - HS theo dõi |
| - Tương tự GV cho HS thực hiện ghi phép tính 2 lượt bảng đối với 2 phần a, b.  (GV có thể hỏi thêm về phần b)  + Em hiểu ngắn hơn là như thế nào?  + Làm thế nào em lập được phép trừ 7cm – 6cm = 1cm? **🡪 GV chốt.**  **Bài 2: (5p)**  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài có mấy yêu cầu?  - GV cho HS quan sát tranh và TL nhóm đôi trả lời 2 phần a, b.  a. - Bút nào ngắn nhất?  - Vì sao em biết?  b.- Bút chì dài hơn bút mực ? cm  - Bút sáp ngắn hơn bút chì ? cm | - HS thực hiện, nhận xét, chia sẻ, bổ sung cho nhau.  + HS nêu  + HS nêu  - HS đọc và xác định yêu cầu.  - HS nêu.  - HS quan sát, thảo luận và trao đổi với cô giáo và các bạn trong lớp.  + Bút sáp màu ngắn nhất.  + Em quan sát các số chỉ độ dài của 3 loại bút đề có đơn vị đo xăng-ti-mét nên em thực hiện so sánh các số đó với nhau. 25cm>20cm>10cm. Vậy 10cm chính là độ dài ngắn nhất.  - ….5cm |
| 🡪 GV chốt | - HS lắng nghe |
| **Bài 3: (8p)** |  |
| - Gọi HS đọc YC bài.  - Tương tự bài 2, quan sát tranh, TL nhóm đôi và thực hiện vào PBT theo yêu cầu: | - HS nêu YC  - HS quan sát tranh, thảo luận, chia sẻ: |
| - GV chữa PBT, nhận xét.  🡪GV chốt.  **Bài 4: (10p)**  - Gọi HS đọc YC bài.  - Bài có mấy yêu cầu?  - HDHS QS hình vẽ và làm bài vào vở.  - GV KT bài của HS, chấm chữa.  + Mai gấp được hơn Nam bao nhiêu cái thuyền? + Em đã làm thế nào?  Đâu là Số bị trừ? Đâu là Số trừ? | - HS chia sẻ bài của nhóm mình trước lớp như BT 2. |
| - HS nêu yêu cầu.  - 2 yêu cầu.  - HS thực hiện vào vở cá nhân.  -… 2 cái thuyền  - Em lấy 8 cái thuyền – 6 cái thuyền  = 2 cái thuyền.  - Số bị trừ là số thuyền Mai gấp được. Số trừ là số thuyền Nam gấp được  -… 2 cái thuyền  - Em lấy 8 cái thuyền – 6 cái thuyền = 2 cái thuyền. |
| + Nam gấp được kém Mai bao nhiêu cái thuyền? |
| + Đâu là Số bị trừ? Đâu là Số trừ? | - Số bị trừ vẫn là số thuyền Mai gấp được, và số trừ vẫn là số thuyền Nam gấp được. |
| - NX bài giải ở 2 phần a, b có gì giống và khác nhau?  - GV khen HS trả lời tốt.  - Để giải bài toán về hơn, kém nhau bao nhiêu ta làm phép tính gì?  **3. Vận dụng (1- 2’)**  - Nhận xét giờ học.  - Nêu lại các bước giải toán có lời văn dạng hơn kém nhau bao nhiêu.  - GV khen ngợi HS. | + Giống nhau ở phép tính và đáp số.  + Khác nhau ở câu lời giải.  - HS trả lời |
|  |
|  |
|  |
| - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY** *(nếu có)*

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_